TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2017/DS-ST
Ngày: 07-7-2017
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hòa.
2. Bà Bùi Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài-Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 26/2017/TLST-DS ngày 19/4/2017, về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐST-DS ngày 13/6/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thanh V; Sinh năm: 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc A; Sinh năm: 1959; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Đặng Thanh V lập ngày 21/3/2017, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 08/5/2017, biên bản hòa giải ngày 22/5/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Đặng Thanh V trình bày như sau: Bà Đặng Thanh V, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1959 là hàng xóm, quen biết nhiều năm. Bà A là chủ hụi theo hình thức có lập sổ hụi, nhưng không cấp sổ cho hụi viên mà bà A tự quản lý sổ hụi để theo dõi. Vào ngày 18/5/2015, bà V tham gia dây hụi 10 ngày mở hụi một lần do bà A làm chủ hụi, mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng, dây hụi có 34 phần, bà V tham gia 01 phần. Từ ngày 18/5/2015 đến ngày 17/02/2016, bà V đã đóng tiền hụi cho bà A số tiền là 24.100.000 đồng. Ngày 26/02/2016, bà A bỏ đi khỏi địa phương nên vỡ hụi và đến nay bà A chưa thanh toán tiền hụi cho V. Nay bà V yêu cầu bà A hoàn trả khoản nợ hụi gốc với số tiền là 24.100.000 đồng.

* Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 08/5/2017, biên bản hòa giải ngày 22/5/2017 và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Ngọc A trình bày như sau: Bà A

thống nhất xác định có việc tổ chức góp hụi và hiện nay bà A còn nợ hụi bà V số tiền là 24.100.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày. Nay bà A thống nhất hoàn trả cho bà V khoản nợ gốc là 24.100.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên bà A xin trả nợ dần cho bà V.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Xử buộc bà Nguyễn Ngọc A hoàn trả cho bà Đặng Thanh V khoản nợ gốc với số tiền là 24.100.000 đồng và chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 31/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Đặng Thanh V lập ngày 21/3/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà V nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà V và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/3/2017, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Ngọc A có nơi cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của phía nguyên đơn Đặng Thanh V yêu cầu bị đơn Nguyễn Ngọc A hoàn trả khoản nợ hụi gốc với số tiền là 24.100.000 đồng:

[5] Bà V và bà A đều xác định: Bà V có tham gia dây hụi do bà A làm chủ mở vào ngày 18/5/2015, hụi 10 ngày/kỳ, mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng, bà V tham gia 01 phần và đã đóng tiền hụi cho bà A số tiền là 24.100.000 đồng thì vỡ hụi. Hiện nay, bà A còn nợ bà V khoản nợ hụi gốc là 24.100.000 đồng. Theo

khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc bà V và bà A có hợp đồng góp hụi với nhau và hiện nay bà A còn nợ tiền hụi gốc của bà V với số tiền là 24.100.000 đồng là có thật. Xét khi giao kết hợp đồng góp hụi, bà V và bà A là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp pháp theo quy định tại các điều 122, 389, 401 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà A đã có lỗi khi đơn phương chấm dứt hợp đồng (bà A bỏ đi khỏi địa phương nên vỡ hụi). Do đó, căn cứ vào Điều 426 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các điều 26 và 14 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, yêu cầu của bà V đòi bà A hoàn trả khoản nợ hụi gốc với số tiền là 24.100.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về đề nghị của bà A xin trả dần khoản nợ hụi cho bà V, nhưng bà V không đồng ý. Xét đề nghị này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Đặng Thanh V được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Ngọc A chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.205.000 đồng (24.100.000 đồng x 5% = 1.205.000 đồng).

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 122, 389, 401, 479 và 426 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 26 và 14 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thanh V. Xử buộc bà Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm hoàn trả cho bà Đặng Thanh V khoản nợ hụi gốc với số tiền là 24.100.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, một trăm ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.205.000 đồng (Một triệu, hai trăm lẻ năm ngàn đồng). Bà Đặng Thanh

V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Đặng Thanh V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 602.500 đồng (Sáu trăm lẻ hai ngàn, năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003676 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: HSVA & TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ